

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

*“V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu Lương**

Bà **Dương Thị Thu Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Chu Minh Khôi** - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên tòa:*

Bà **Nguyễn Thảo Yến** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi (cũ), Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/08/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Quang T SN 1977**

Trú tại: Thôn Đ, xã A, tỉnh Hưng Yên

- *Bị đơn:* Chị **Bùi Thị L SN 1983**

Trú tại: thôn Đ, xã P, tỉnh Hưng Yên

- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu **Lê Thị Kiều T1 SN 2014**

- *Người đại diện hợp pháp của cháu T1:* Anh T, chị L

Các đương sự đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/05/2025 và lời khai của nguyên đơn anh Lê Quang T trong quá trình tố tụng thể hiện:

Anh và chị Bùi Thị L đã ly hôn từ năm 2022, khi giải quyết ly hôn thì anh chị thỏa thuận anh nuôi con chung là cháu Lê Quang T2 SN 2012, còn chị L nuôi con chung là Lê Thị Kiều T1 SN 2014, việc này được ghi nhận trong Quyết định của Tòa án. Tuy nhiên sau khi ly hôn, cháu T1 chỉ ở với chị L được 02 tháng đến tháng 7/2022 anh lên nhà chị L đón cháu T1 về chơi, sau đó cháu T1 không muốn về ở với mẹ nữa và chị L cũng không đến đón cháu T1 về, cũng không thăm hỏi gì để mặc cháu T1 cho anh nuôi từ đó đến nay. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con

cũng như để mọi việc cho rõ ràng, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chuyển quyền nuôi cháu T1 cho anh. Hiện nay anh đang làm ở xưởng cơ khí tư nhân nhà anh Hoàng Văn H ở thôn C, xã Y, tỉnh Hưng Yên với mức lương 15.000.000đ/tháng. Mỗi bố con anh ở với bố mẹ anh trên nhà đất của gia đình, hàng ngày anh đi làm, trưa và tối anh đều về nhà, lúc anh đi vắng thì có bố mẹ anh hỗ trợ chăm sóc các cháu. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu T1

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhiều lần triệu tập chị L đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do.

Lời khai của người có quyền lợi liên quan là cháu Lê Thị Kiều T1: Hiện nay cháu đang sống cùng với bố cháu và ông bà nội. Cháu về ở với bố và ông bà nội cách đây hơn một năm, bố cháu đón cháu về chơi sau đó cháu ở luôn nhà ông bà nội với bố, cháu không về với mẹ nữa vì mẹ cháu đi vắng suốt để cháu ở nhà với ông bà ngoại, cháu hay bị bà ngoại đánh nên cháu rất sợ, cháu không làm gì sai. Hiện nay cháu học ở trường gần nhà ông bà nội. Cháu muốn được tiếp tục ở với bố và ông bà nội, cháu không muốn ở với mẹ và ông bà ngoại. Cháu ở đây được bố và ông bà nội chăm lo, quan tâm nhiều hơn, có anh trai cháu sống cùng nên cháu thấy vui hơn.

Lời khai của người làm chứng là ông Bùi Đức T3 – bố đẻ chị L: Chị L hiện nay đang làm ở ngoài Hải Phòng, địa chỉ cụ thể thế nào ông không biết, thỉnh thoảng chị L vẫn về nhà. Trước đây năm 2022 chị L ly hôn anh T, Tòa án giải quyết cho anh T nuôi cháu T2, còn chị L nuôi cháu T1. Sau khi ly hôn thì chị L và cháu T1 ở với ông bà. Được thời gian khoảng hơn nửa năm thì anh T có đến nhà nói với ông là muốn đón cháu T1 về nhà chơi vài hôm, sau đó không thấy anh T chở cháu T1 về đây nữa. Ông cũng không biết sự việc như thế nào. Anh T cũng không thấy thông tin lại cho gia đình ông về việc muốn nuôi cháu T1.

Lời khai của ông Lê Minh X – bố đẻ anh T: Sau khi cháu T1 về ở với ông bà ngoại thì ông thấy điều kiện nuôi và chăm sóc cháu T1 không đảm bảo. Cháu Trang sức khỏe yếu và cháu bị trầm cảm do mẹ đi vắng thường xuyên để cháu với ông bà ngoại nên không được quan tâm, chăm sóc chu đáo. Do vậy khoảng tháng 5/2022 anh T đã đón cháu về đây nuôi dưỡng thì ông bà mới yên tâm. Đến nay cháu Trang sức K và tinh thần ổn định, vui vẻ. Về điều kiện ăn ở thì gia đình ông chỉ có mình anh T là con trai nên nhà cửa, đất đai ông để lại hết cho bố con anh T. Hơn nữa vợ chồng ông đều có lương nên sẽ hỗ trợ anh T tốt nhất, nguyện vọng của gia đình là đề nghị Tòa án cho anh T nuôi cháu T1.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án

- Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn có đủ điều kiện khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 77 BLTTDS. Bị đơn là chị Bùi Thị L đều không có mặt để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, chị L đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 BLTTDS.

* Về việc quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147, 238 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với chị L, giao cháu T1 cho anh Trung trực T4 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, tự lập được, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh tụng và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là anh Lê Quang T khởi kiện yêu cầu chuyển quyền nuôi con chung là cháu Lê Thị Kiều T1 từ chị L sang cho anh được nuôi dưỡng, nên quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án được xác định là "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị L cư trú tại xã P, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên

[1.2]. Tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại tòa án số 37/2022/QĐCNGT-HNGĐ ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thì anh Lê Quang T và chị Bùi Thị L đã được Tòa án công nhận

việc thuận tình ly hôn, về phần con chung, anh chị thống nhất để anh Trung trực T4 nuôi con chung là cháu Lê Quang T2 SN 2012, còn chị L nuôi con chung là Lê Thị Kiều T1 SN 2014 đến khi thành niên. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của anh T, cháu T1 và đại diện gia đình thì thấy: Sau khi vợ chồng ly hôn, chị L và cháu T1 về ở với bố mẹ chị tại thôn P, xã P, tỉnh Hưng Yên nhưng chị thường xuyên đi vắng, không trực tiếp trông nom, nuôi dạy và chăm sóc cháu T1 mà để cho bố mẹ chị nuôi dạy cháu, điều này thể hiện việc chị L không quan tâm cũng như không làm tròn trách nhiệm đối với cháu T1. Một thời gian sau cháu T1 được anh T đón về nhà ông bà nội chơi nhưng cũng không thấy chị L đến đón cháu về nên cháu T1 ở với bố và ông bà nội từ đó đến nay. Bản thân anh T và ông bà nội cháu T1 đều muốn được nuôi dạy cháu T1, cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố và ông bà nội vì ở đây cháu được quan tâm, chăm sóc tốt hơn, có anh trai cháu sống cùng nên cháu thấy vui hơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L đến Tòa làm việc nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ chị L cũng không còn quan tâm gì đến việc nuôi cháu T1 nữa. Xét điều kiện của anh T thì thấy: anh có việc làm và thu nhập ổn định, hàng ngày anh đi làm nhưng vẫn bố trí được thời gian chăm sóc con, ngoài ra còn có bố mẹ anh hỗ trợ chăm sóc các cháu. Trong thời gian cháu T1 ở với anh T, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu có chỗ ở tốt, môi trường sống lành mạnh. Do vậy việc anh T yêu cầu Tòa giải quyết chuyển quyền nuôi con chung là Lê Thị Kiều T1 cho anh là có căn cứ để chấp nhận. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T vì anh không yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 và khoản 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Kiều T1 sau khi ly hôn.

Giao cháu Lê Thị Kiều T1 sinh ngày 10/12/2014 cho anh Trung trực T4 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001511 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thủy